

Số: 26 /2010/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ Quy định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 207/TTr-SNV ngày 08/10/2010 về việc ban hành Quyết định quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được bố trí theo đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

1. Cấp xã loại 1:

a) Đối với xã đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 24 người;

b) Đối với xã không đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và có tổ chức Hội nông dân hoặc có đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân nhưng không có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 23 người;

c) Đối với xã không đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và không có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 22 người.

2. Cấp xã loại 2:

a) Đối với xã đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 22 người;

b) Đối với xã không đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và có tổ chức Hội nông dân hoặc có đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân nhưng không có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 21 người;

c) Đối với xã không đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và không có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 20 người;

3. Cấp xã loại 3:

a) Đối với xã đủ điều kiện bố trí hai Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và có tổ chức Hội nông dân, bố trí không quá 20 người;

b) Các xã còn lại bố trí không quá 19 người.

4. Số lượng Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân bố trí ở mỗi xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ. Dân số làm cơ sở để bố trí số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn do cơ quan Thống kê có thẩm quyền cung cấp theo quy định.

5. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

Điều 2. Bố trí kiêm nhiệm:

1. Bố trí Bí thư Đảng uỷ kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, nơi không bố trí Bí thư Đảng uỷ kiêm thì Phó bí thư Đảng uỷ hoặc Thường trực Đảng uỷ kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

2. Những xã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì bố trí Bí thư Đảng uỷ kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

3. Các chức danh cán bộ, công chức khác có thể bố trí kiêm nhiệm tùy điều kiện cụ thể từng địa phương, nhưng một người chỉ đảm nhiệm không quá hai chức danh và phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ;

4. Khi đã bố trí kiêm nhiệm theo Khoản 2, Khoản 3 Điều này hoặc đối với những nơi có lực lượng công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại Điều 1, Quyết định này phải giảm đi tương ứng.

Điều 3. Bổ trí tăng thêm người đảm nhiệm chức danh công chức:

1. Trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức quy định tại Điều 1 Quyết định này, sau khi đã bổ trí đủ theo các chức danh quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐT&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010, số còn lại được bổ trí tăng thêm cho một số chức danh công chức (trừ chức danh Trưởng công an và Chỉ huy trưởng quân sự) theo nhu cầu nhiệm vụ và đặc điểm của từng địa phương, nhưng không quá ba người một chức danh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc bổ trí tăng thêm người đảm nhiệm ở mỗi chức danh công chức theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Tiêu chuẩn, chế độ, chính sách, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã:

1. Tiêu chuẩn, chế độ, chính sách, công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chế độ nâng bậc lương

Cán bộ, công chức cấp xã được xét nâng bậc lương thường xuyên, chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định tại Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 05/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về thực hiện chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan thuộc tỉnh Tuyên Quang.

3. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà việc kiêm nhiệm giảm được 01 người trong số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 1 và trường hợp kiêm nhiệm theo Khoản 1, Điều 2 Quyết định này, thì người kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp bằng 20% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê chuẩn kết quả bầu cử hoặc quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành:

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ vào đặc điểm, nhu cầu của từng xã, phường, thị trấn để bổ trí công chức cấp xã đảm nhiệm các chức danh và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

2. Giám đốc Sở Tài chính cân đối kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này thay thế, bãi bỏ các quy định sau:

1. Thay thế Quyết định số 81/2005/QĐ-UBND ngày 09/9/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định số lượng, tiêu chuẩn và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2. Bãi bỏ Khoản 1, Điều 26 Quy chế tuyển dụng, chế độ tập sự, điều động, miễn nhiệm, cho thôi việc đối với công chức xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND ngày 22/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH địa phương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- UBMTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Thường trực Huyện, Thành ủy;
- Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Như Điều 7 (Thực hiện);
- Lưu: VT, NV.

Báo
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Chiến